

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8 /2017.

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Kim N**, sinh năm 1980; trú tại: đường Tỉnh lộ ..., ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1979; trú tại: đường Nguyễn Văn C, khu phố M II, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Huỳnh Kim N và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án: Chị Huỳnh Kim N và anh Nguyễn Hữu L, tự nguyện tìm hiểu và quyết định sống chung từ đầu năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T (nay là phường C, thành phố T), tỉnh Bình Dương, ngày 16/10/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chị N, anh L sống chung tại xã C, thị xã T, tỉnh Bình Dương, sau đó chuyển về huyện C, Thành phố Hồ

Chí Minh sinh sống, làm việc nhưng cuối tuần cũng vẫn về nhà của vợ chồng tại xã C. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia K, sinh ngày 12/3/2008 và cháu Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/10/2011. Từ năm 2013 đến nay, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, nguyên nhân chủ yếu do không cùng quan điểm, anh L bỏ bê gia đình, đi sớm về khuya không rõ lý do, từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, xô xát dẫn đến việc quyết định sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Chị N về sống với mẹ ruột tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh còn anh L sống chung mẹ ruột tại phường C, thành phố T. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, anh L còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác ngoài hôn nhân. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Huỳnh Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Hữu L. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia K, sinh ngày 12/3/2008 và cháu Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/10/2011, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Hữu L tại nơi cư trú, lý do anh L thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho anh L theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh L không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh L cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngày 30/8/2017, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu L, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia K, sinh ngày 12/3/2008 và cháu Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/10/2011, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Kim N về việc ly hôn, tranh chấp về người nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu L có nơi cư trú tại phường C, thành phố T, mặc dù anh L đang làm việc tại Thành Phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn cư trú tại nhà riêng thuộc phường C, thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu L đã được Tòa án thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bị đơn từ chối tham gia tố tụng, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu L không tham gia phiên tòa sơ thẩm cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Hữu L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc vắng mặt của nguyên đơn Huỳnh Kim N tại phiên tòa sơ thẩm nhưng trước đó (ngày 30/8/2017), chị N đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa sơ thẩm, thủ tục xét xử thực hiện theo trình tự được quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị N, anh L thường xuyên sinh sống (khu phố M II, phường C, thành phố T), được biết vợ chồng chị N, anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, đánh nhau gây mất trật tự tại khu phố, nguyên nhân do anh L nóng tính, làm ăn thất bại, nợ nần nhiều người lại còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất hòa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia K, sinh ngày 12/3/2008 và cháu Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/10/2011. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu K và cháu L, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy: Đối với cháu L đến nay chưa đủ 07 tuổi, hiện cháu L đang sống ổn định với chị N nên nghĩ việc tiếp tục giao cháu L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết. Riêng cháu K đến nay đã 10 tuổi, việc quyết định người trực tiếp nuôi con khi ly hôn cần phải xem xét nguyện của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua việc hỏi ý kiến cháu K đã trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ ruột tên Huỳnh Kim N nếu

trường hợp cha mẹ ly hôn. Do đó, việc giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L cũng không có yêu cầu phản tố về con chung nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Huỳnh Kim N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim N phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim N xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim N và anh Nguyễn Hữu L ly hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 62, quyển số 01/2016 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T (nay là phường C, thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/10/2006 cho anh Nguyễn Hữu L và chị Huỳnh Kim N không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Chị Huỳnh Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Gia K, sinh ngày 12/3/2008 và cháu Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/10/2011 đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hữu L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Nguyễn Hữu L lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Huỳnh Kim N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Huỳnh Gia K và cháu Nguyễn Quỳnh L, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Kim N không yêu cầu nên không xem xét.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Kim N phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ hết vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000781 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Do tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên thời hạn kháng cáo cho các đương sự là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh